

NỀN KINH TẾ TRI THỨC VÀ CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ PHẢN ẢNH

Nguyễn Bích Lâm
Viện Khoa học Thống kê

Trong một thập kỷ trở lại đây, các nhà kinh tế và quản lý tại nhiều quốc gia trên thế giới đã đề cập đến khái niệm “Nền kinh tế tri thức”. Cở sở đưa ra khái niệm này dựa trên dự đoán về những bước tiến nhảy vọt, chưa từng thấy về khoa học công nghệ trong thế kỷ XXI. Nền kinh tế tri thức và những nét đặc trưng của nó là gì?, các nhà thống kê dùng những chỉ tiêu gì để phản ánh nền kinh tế tri thức.

Trong báo cáo “Kinh tế lấy tri thức làm nền tảng”, cơ quan nghiên cứu của Liên hợp quốc đã định nghĩa: “Kinh tế tri thức là kinh tế được xây dựng trên cơ sở sản xuất, phân phối, sử dụng tri thức và thông tin” (xem [1], trang 13). Từ định nghĩa nền kinh tế tri thức có thể rút ra hai tiêu chí chủ yếu:

- Lấy tri thức, trí óc làm yếu tố then chốt để phát triển kinh tế và tri thức, trí óc trở thành yếu tố tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất của nền kinh tế giống như yếu tố sức lao động và tài nguyên;

- Trong quá trình phát triển sản xuất của nền kinh tế, tri thức có thể hình thành nên một ngành kinh tế, tức là kinh tế chuyên ngành với tiêu chí là ngành khoa học kỹ thuật cao.

Tiêu chí thứ hai là một nét mới, gợi nhiều nội dung đáng suy nghĩ cho công tác thống kê như: phân ngành kinh tế; xác định phạm vi của ngành kinh tế mới này; phương pháp đánh giá kết quả sản xuất và đóng góp vào tăng trưởng chung của nền kinh tế

thông qua các chỉ tiêu giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm.

Trong nền kinh tế tri thức nguồn vốn quan trọng nhất là nguồn vốn trí tuệ và công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế quan trọng. Nền kinh tế tri thức mang tính toàn cầu hóa; quan hệ phân phối và trao đổi mang tính vừa hợp tác, vừa cạnh tranh rất cao; quan hệ sở hữu và sử dụng luôn có sự đan xen[4].

Trong những năm gần đây, nhiều quốc gia đã đưa ra chiến lược xây dựng và phát triển đất nước theo tiêu thức của nền kinh tế tri thức. Trong “Chương trình năm 2000”, Liên minh châu Âu cũng đặt việc tri thức hóa vào vị trí ưu tiên hàng đầu, điều này chứng tỏ kinh tế tri thức là xu thế phát triển tất yếu của thời đại, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Đặc trưng của nền kinh tế tri thức thể hiện trong ba nội dung:

* *Kinh tế hóa tri thức* nghĩa là nhân tố tri thức với chủng loại ngày càng phong phú, trình độ ngày càng cao hòa nhập vào quá trình hoạt động kinh tế và cũng chỉ ra kết quả của việc hòa nhập này. Trình độ “Kinh tế hóa” của tri thức có thể đánh giá bằng tỷ trọng của sản nghiệp tri thức trong nền kinh tế quốc dân(xem [4], trang 27).

Với cách hiểu về kinh tế hóa tri thức nêu trên, ngành Thống kê sẽ dùng chỉ tiêu gì để đánh giá trình độ kinh tế hóa của tri thức?.

Sản nghiệp là thuật ngữ mô tả tổng thể nói chung những tài sản để sinh sống hoặc để kinh doanh và như vậy sản nghiệp tri thức là biểu hiện sức sản xuất thuộc thế hệ mới. Theo tôi, sản nghiệp tri thức có thể đánh giá bằng giá trị của các bằng phát minh sáng chế; giá trị bản quyền; chương trình phần mềm; giá trị các công trình nghiên cứu khoa học đưa vào áp dụng mang lại lợi ích cho thực tiễn, v.v... Nhóm chỉ tiêu thống kê phản ánh trình độ kinh tế hóa tri thức là tỷ lệ của sản nghiệp tri thức so với tổng giá trị tài sản của nền kinh tế, chỉ tiêu này có thể phân theo ngành kinh tế.

* *Tri thức hóa kinh tế* là xu hướng tri thức của quá trình kinh tế và kết quả của nó càng tăng mạnh thì hàm lượng tri thức càng tăng cao. Trong quá trình phát triển, yếu tố tri thức không ngừng đan xen và nảy nở vào mọi lĩnh vực của đời sống. Chẳng hạn, thiết kế mẫu mã hàng hóa mang bản sắc văn hóa, trang trí, tuyên truyền quảng cáo hàng hóa là các hoạt động đưa yếu tố tri thức vào kinh doanh nói riêng và vào quá trình kinh tế nói chung.

Chỉ tiêu thống kê dùng để mô tả đặc trưng này có thể là tỷ trọng chi cho thiết kế mẫu mã, trang trí đóng gói, quảng cáo sản phẩm để đẩy mạnh tiêu thụ so với giá trị nguyên vật liệu và các chi phí có tính vật chất để sản xuất ra sản phẩm.

* *Sản nghiệp hóa tri thức* là vật chất hóa văn hoá, tinh thần, ý tưởng sáng tạo, là sự thăng hoa của nền kinh tế hàng hóa và sản nghiệp (xem [4], trang 28). Như vậy, sản nghiệp hóa tri thức biểu hiện nét đặc trưng quan hệ đồng nhất, thống nhất của tri thức và kinh tế.

Trong tiến trình phát triển, các nhà kinh tế đều nhận định ngoài sản nghiệp thứ nhất thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; sản nghiệp thứ hai thuộc lĩnh vực công nghiệp và sản nghiệp thứ ba thuộc khu vực dịch vụ truyền thống, đã manh nha sản nghiệp mới được cấu thành bởi những yếu tố cơ bản như văn hóa, trí óc, tri thức, nhân tài, tin tức, khoa học kỹ thuật, ý tưởng sáng tạo (xem [4], trang 29).

Không có chỉ tiêu thống kê đơn thuần được đưa ra tính toán để mô tả nét đặc trưng thứ ba của nền kinh tế tri thức. Theo tôi, có thể dùng bảng Cân đối liên ngành để phân tích ảnh hưởng của một số ngành văn hóa, du lịch văn hóa, du lịch tri thức đối với các ngành sản xuất vật chất và tiêu dùng của dân cư qua các chỉ tiêu: nhân tử đầu ra (Output multiplier); liên hệ ngược (Backward linkage) và liên hệ xuôi (Forward linkage).

Tiêu chí của nền kinh tế tri thức được biểu hiện qua hai nhóm: nhóm tiêu chí về cấu trúc kinh tế và nhóm tiêu chí xã hội.

* *Nhóm tiêu chí về cấu trúc kinh tế*

Lực lượng sản xuất và tư liệu sản xuất là hai nhóm yếu tố tác động tới tiến trình phát triển của một quốc gia. Lực lượng sản xuất xã hội bao gồm người lao động, công cụ lao động và đối tượng lao động. Trong nền kinh tế tri thức, khoa học kỹ thuật tiến bộ được thể hiện trong cả ba yếu tố của lực lượng sản xuất. Dĩ nhiên, trong các yếu tố của lực lượng sản xuất, con người là yếu tố "động nhất", quan trọng nhất.

Tư liệu sản xuất thay đổi, phù hợp với từng xã hội. Trong xã hội nông nghiệp, đất đai là tư liệu sản xuất quan trọng nhất; trong xã hội công nghiệp, công xưởng và nguyên liệu thay thế đất đai. Còn trong xã hội thông

tin, cơ sở hạ tầng thông tin và nguồn tài nguyên tin tức sẽ là tư liệu sản xuất quan trọng nhất (xem [4], trang 178). Để xây dựng và phát triển thành nền kinh tế tri thức cần phải đầu tư và phát triển bốn cột trụ quan trọng của nó: công nghệ cao; nhân lực chất lượng cao; cơ sở hạ tầng thông tin và nguồn tài nguyên tin tức; thị trường.

Thông tin thống kê phản ánh cấu trúc kinh tế của nền kinh tế tri thức nên chia thành hai nhóm: nhóm chỉ tiêu phản ánh ở tầm vĩ mô và nhóm chỉ tiêu phản ánh tầm vi mô.

Đối với tầm vĩ mô bao gồm các chỉ tiêu: chi cho nghiên cứu và triển khai các công trình khoa học vào thực tiễn so với tổng chi ngân sách nhà nước; chi mua và nhận chuyển giao công nghệ so với tổng chi ngân sách nhà nước; chi cho đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao so với tổng chi cho giáo dục của toàn xã hội; năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), v.v...

Đối với tầm vi mô bao gồm các chỉ tiêu: chi cho nghiên cứu và triển khai các công trình khoa học vào thực tiễn so với tổng vốn đầu tư của khu vực doanh nghiệp; tỷ lệ cán bộ làm nghiên cứu và triển khai công nghệ của khu vực doanh nghiệp so với tổng số lao động của khu vực doanh nghiệp; số lượng máy tính dùng trong khu vực doanh nghiệp, v.v...

** Nhóm chỉ tiêu về xã hội*

Từ định nghĩa của nền kinh tế tri thức, có thể khẳng định tri thức và thông tin là hai yếu tố then chốt và nó quyết định bản chất xã hội của nền kinh tế này - đó là "xã hội thông tin". Xã hội thông tin đòi hỏi năm điều kiện sau đây:

- Cơ cấu sức lao động có sự thay đổi căn bản, những người làm công tác thông tin chiếm hơn 50% tổng số người đang làm việc;

- Trong tổng giá trị sản xuất của nền kinh tế, kinh tế thông tin chiếm hơn 50%;

- Công nghiệp thông tin phát triển đầy đủ, xây dựng được mạng lưới thông tin tiên tiến;

- Thông tin hóa đời sống xã hội;

- Tri thức trở thành nguồn tài nguyên to lớn và động lực thúc đẩy chủ yếu cho xã hội phát triển.

Năm điều kiện của xã hội thông tin gợi cho các nhà Thống kê đưa ra hệ thống chỉ tiêu để phản ánh, đo lường nền kinh tế tri thức qua các chỉ tiêu về lao động như: tỷ lệ lao động làm công tác thông tin so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế, tỷ lệ lao động trí óc so với lao động chân tay; các chỉ tiêu về tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng thông tin trong đời sống hằng ngày của dân cư.

Để phát triển đất nước theo hướng nền kinh tế tri thức, việc hoạch định chính sách của Chính phủ đóng vai trò quan trọng. Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong phát triển năng lực công nghệ của đất nước thực hiện qua ba giai đoạn: giai đoạn bắt chước sao chép công nghệ; giai đoạn bắt chước sáng tạo công nghệ (hai giai đoạn này các tri thức cần có có thể sao chép hoặc mua) và giai đoạn đổi mới công nghệ (giai đoạn phát minh), đáng để cho chúng ta tham khảo. Đi cùng với chính sách của Chính phủ, ngành Thống kê nên chủ động nghiên cứu, đưa ra các thông tin thống kê phục vụ kịp thời cho nhu cầu quản lý và phát triển.

Một số chỉ tiêu thống kê phản ánh nền kinh tế tri thức

Các chỉ tiêu vĩ mô

1. Chi nghiên cứu và triển khai các công trình khoa học vào thực tiễn so với tổng chi ngân sách nhà nước;

2. Chi cho đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao so với tổng chi cho giáo dục của toàn xã hội;

3. Tỷ lệ vốn đầu tư cho lĩnh vực công nghệ thông tin so với tổng vốn đầu tư;

4. Giá trị chuyển giao công nghệ so với tổng chi ngân sách nhà nước;

5. Tỷ lệ doanh thu của ngành công nghệ thông tin so với tổng giá trị sản xuất của nền kinh tế;

6. Tỷ lệ doanh thu bán phần mềm so với tổng doanh thu của khu vực doanh nghiệp trong nền kinh tế;

7. Tỷ lệ giá trị tăng thêm của các ngành thông tin so với tổng sản phẩm trong nước;

8. Tỷ lệ của sản nghiệp tri thức so với tổng giá trị tài sản của nền kinh tế;

9. Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP);

10. Hệ số đổi mới tài sản cố định;

11. Nhân tử đầu ra của ngành văn hóa, du lịch văn hóa, du lịch tri thức đối với các ngành sản xuất vật chất và tiêu dùng của dân cư;

12. Hệ số liên hệ xuôi (Forward linkage), hệ số liên hệ ngược (Backward linkage) của ngành văn hóa, du lịch văn hóa, du lịch tri thức đối với các ngành sản xuất vật chất và tiêu dùng của dân cư;

13. Tỷ lệ lao động làm công tác thông tin so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế;

14. Tỷ lệ lao động trí óc so với lao động chân tay;

15. Số lượng các đơn vị khoa học công nghệ trong nền kinh tế.

Các chỉ tiêu vi mô

16. Chi cho nghiên cứu và triển khai các công trình khoa học vào thực tiễn so với tổng vốn đầu tư của khu vực doanh nghiệp;

17. Tỷ lệ cán bộ làm nghiên cứu và triển khai công nghệ của khu vực doanh nghiệp so với tổng số lao động của khu vực doanh nghiệp;

18. Số máy tính dùng trong khu vực doanh nghiệp;

19. Tỷ lệ doanh nghiệp có Website và truy cập internet;

20. Tỷ lệ dân cư truy cập internet so với tổng dân số;

21. Tỷ lệ dân cư tham gia hoạt động thương mại điện tử so với tổng dân số;

22. Số điện thoại thuê bao tính cho 1000 dân;

23. Các chỉ tiêu về tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng thông tin trong đời sống hằng ngày của dân cư■

Tài liệu tham khảo

[1] Tần Ngôn Trước - Thời đại kinh tế tri thức, Nhà xuất bản chính trị quốc gia;

[2] Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương - Nền kinh tế tri thức, nhận thức và hành động, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2000;

[3] Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương - Kinh tế tri thức, vấn đề và giải pháp, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2001;

[4] Nguyễn Nhân - Tiếp cận kinh tế tri thức từ góc độ quốc phòng - an ninh - Thông tin Khoa học xã hội, số 3 năm 2001;

[5] Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Thông tin Khoa học xã hội, số 5 năm 2002;

[6] Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia - Các xu hướng lớn và những công nghệ mới sẽ làm thay đổi thế giới, số 9 - 2003.

[7] Bảng cân đối liên ngành (Input - Output: IO) của Việt Nam năm 2000, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2003